TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **184/**2026/DS-ST Ngày 18-6-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lụa

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết T – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 433/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 096195006112, cấp ngày 16/9/2021 – Cán bộ xử lý nợ (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng B, số A N, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1970. Chứng minh nhân dân số: 381065080, cấp ngày 26/9/2016 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp H, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Trần Thị D có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số: LN2010062855859 ngày 08/10/2020. Ngày 05/10/2020 bà Trần Thị D đã ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, số tiền: 211.050.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng (Từ ngày 08/10/2020 đến ngày 08/10/2023). Lãi suất giải ngân: 28.5%/năm được tính trong suốt quá trình cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã thanh toán được số tiền: 238.140.641 đồng, trong đó (nợ gốc là 156.242.381 đồng; nợ lãi là 81.898.260 đồng). Thời điểm khách hàng quá hạn thanh toán vào ngày 08/11/2022, tổng dư nợ tạm tính đến 18/06/2026 là: 139.477.507 đồng, trong đó nợ gốc: 54.807.619 đồng, nợ lãi 84.669.888 đồng (lãi trong hạn: 56.446.592 đồng; lãi quá hạn: 28.223.296 đồng).

- Hợp đồng cho vay số LN2109274381228 ngày 28/09/2021. Ngày 27/09/2021 bà Trần Thị D đã ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, số tiền: 157.500.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng (Từ ngày 28/09/2021 đến ngày 08/09/2024). Lãi suất giải ngân: 28.5%/năm được tính trong suốt quá trình cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã thanh toán được số tiền: 90.381.298 đồng, trong đó (nợ gốc là 47.833.480 đồng; nợ lãi là 42.547.818 đồng). Thời điểm khách hàng quá hạn thanh toán vào ngày 08/12/2022, tổng dư nợ tạm tính đến 18/06/2026 là: 275.232.168 đồng, trong đó nợ gốc: 109.666.520 đồng, nợ lãi 165.565.648 đồng (lãi trong hạn: 110.377.099 đồng; lãi quá hạn: 55.188.549 đồng). Từ khi khách hàng quá hạn thì đại diện Ngân hàng đã liên hệ để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ của cả 02 hợp đồng vay tính đến ngày 18/06/2026 là: 414.709.676 đồng, trong đó nợ gốc: 164.474.139 đồng, nợ lãi 250.235.537 đồng (lãi trong hạn: 166.823.691 đồng; lãi quá hạn: 83.411.846 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 19/06/2026 trở đi bà Trần Thị D còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị D đúng theo quy định pháp luật nhưng bà D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc bà Trần Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 18/06/2026 là: 414.709.676 đồng,

trong đó nợ gốc: 164.474.139 đồng, nợ lãi 250.235.537 đồng (lãi trong hạn: 166.823.691 đồng; lãi quá hạn: 83.411.846 đồng). Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét thấy, việc Ngân hàng TMCP V với bà D có ký kết hợp đồng vay vốn với nhau là có thật, thể hiện tại Hợp đồng cho vay số: LN2010062855859 ngày 08/10/2020 và Hợp đồng cho vay số LN2109274381228 ngày 28/09/2021 đã được Ngân hàng cung cấp thể hiện tại hồ sơ vụ án. Xét thấy việc ký kết hợp đồng là sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng V1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho bà D số tiền theo như thoả thuận trong hợp đồng thể hiện tại lịch sử giải ngân của Ngân hàng V1 nhưng bà D đã vị phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng V1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thoả thuận trong hợp đồng là bên có lỗi nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Mặt khác Tòa án đã thông báo cho bà D biết về yêu cầu của Ngân hàng nhưng bà D không có ý kiến gì nên tự gánh chịu thiệt hại.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V1, buộc bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền tính đến ngày 18/06/2026 là: 414.709.676 đồng, trong đó nợ gốc: 164.474.139 đồng, nợ lãi 250.235.537 đồng (lãi trong hạn: 166.823.691 đồng; lãi quá hạn: 83.411.846 đồng) và nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng V1 kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 414.709.676 đồng phải trả cho Ngân hàng V1 là 20.588.000 đồng (làm tròn). Ngân hàng V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 238; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Trần Thị D.

Buộc bà Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 18/6/2026 là 414.709.676 (Bốn trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc: 164.474.139 đồng, nợ lãi 250.235.537 đồng và nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP V cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bà Trần Thị D chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2010062855859 ngày 08/10/2020 và Hợp đồng cho vay số LN2109274381228 ngày 28/09/2021.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.588.000 (Hai mươi triệu năm trăm tám mươi tám nghìn) đồng, chưa nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 8.458.559 (Tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm năm mươi chín) đồng, theo biên lai thu tiền số 0006949 ngày 23/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa